

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 01 - 2024

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hạnh Mỹ và bà Tô Thị Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2023/TLST - HNGĐ ngày
12/10/2023 về việc: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
75/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/12/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số:
62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng G, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và trong quá trình tố tụng tại Tòa án
nguyên đơn - chị Trần Thị Hồng G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C tự do tìm hiểu và tự
nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T đăng ký kết hôn
vào ngày 14 tháng 6 năm 2016. Trong quá trình chung sống của 02 chồng không
hoà thuận, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C mãi chơi
không chịu làm ăn. Hiện tại chị và anh C đã không còn chung sống với nhau.
Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay lại chung sống với
nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về quan hệ con chung: Chị và anh C không có con chung và hiện tại chị
cũng không có thai.

Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh C không có tài sản gì chung,
không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải
quyết.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên toà có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình thể hiện: Chị G và anh C kết hôn là tự nguyện và hiện tại không có con chung. Do điều kiện hiện nay chị G đang làm ăn ở xa nên không thể có mặt được tại phiên toà nên chị đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị, chị xin chấp nhận phán quyết của Toà.

Về phía bị đơn: Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Văn C nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh và lấy lời khai của bố đẻ anh C là ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1957, trú tại thôn Rừng Trục Nam, xã N, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2023 ông C1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng G và anh Nguyễn Văn C tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã N, huyện T được khoảng 01 tháng thì chuyển vào miền nam làm ăn, sinh sống. Quá trình sinh sống thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng chị G tự ý bỏ đi và hai vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã được 03 năm là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hiện tại thì anh Đạt và chị Bình đã sống ly thân được khoảng 03 năm. Nay chị G có đơn xin ly hôn anh C, quan điểm của gia đình ông và anh C là không muốn ly hôn vì gia đình ông và anh C theo đạo công giáo

Về quan hệ con chung: Anh C và chị G không có con chung

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không có.

Hiện tại anh C đang đi làm ăn ở tỉnh ngoài không có mặt ở nhà, tuy nhiên hiện anh C đang ở địa chỉ nào ông không nắm rõ, thì thoả có việc anh C vẫn về nhà, ông cam kết thông báo cho anh C nội dung buổi làm việc và giao văn bản tố tụng cho anh C

Kết quả xác minh tại xã N, huyện Tiền Hải thể hiện: Chị Trần Thị Hồng G, sinh năm 1999 và anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991 đều có hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị G và anh C chính thức kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2016. Sau khi kết hôn anh C và chị G có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Chị G và anh C chưa có con chung. Về tài sản chung và công nợ chung, địa phương không nắm được cụ thể. Nay chị G có đơn xin ly hôn anh C, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn là chị G đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Văn C không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Trần Thị Hồng G được ly hôn anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Không có. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng G khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn C, anh C đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị G là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị G và anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng G và anh Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/6/2016 xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị G anh C mâu thuẫn và hiện chị G, anh C chính thức sống ly thân đến nay đã được 03 năm không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị G có đơn xin ly hôn anh C, anh C không đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản thể hiện quan điểm của mình điều này thể hiện anh C cũng bỏ mặc cuộc hôn nhân này không có ý thức níu kéo để vợ chồng về đoàn tụ. Từ những tình tiết nêu trên, xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị G và anh C đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị G, xử cho chị G được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có

Về quan hệ tài sản chung: Chị G trình bày chị và anh C không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C không đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản thể hiện quan điểm của mình nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Hồng G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Hồng G được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng G phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị G đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002470 ngày 12/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thị Hồng G, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- UBND xã Nam Trung;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi